|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**  **TRƯỜNG THCS KIM LAN**  *(Đề kiểm tra có 3 trang)* | **ĐỀ KIỂM THI THỬ**  **MÔN HÓA HỌC 9**  *Thời gian làm bài: 60 phút* |

**Đề số 1**

**Lựa chọn đáp án đúng trong các câu hỏi dưới đây và ghi vào bài làm.**

**Câu 1.** Chất nào là oxit bazơ trong số các chất sau:

1. MgO. **B.** CO2. **C.** CO. **D.** NO2

**Câu 2.** Axit photphoric có công thức hóa học là

1. H3PO3. **B.** H3PO4. **C.** P2O5. **D.** PH3

**Câu 3.** Bazơ nào sau đây là chất tan :

1. Fe(OH)3. **B.** Cu(OH)2. **C.** Al(OH)3. **D.** Ba(OH)2.

**Câu 4.** Kim loại có tính chất vật lí chung nào sau đây:

**A.** Tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt. **B.** Tính dẻo, tính dẫn nhiệt, ánh kim.

**C.** Tính dẫn nhiệt, có ánh kim. **D.** Tính dẻo, dẫn điện, dẫn nhiệt, ánh kim.

**Câu 5.** Mệnh đề nào sau đây ***không đúng***?

**A.** Sự phá hủy kim loại hay hợp kim dưới tác dụng hóa học của môi trường gọi là sự ăn mòn kim loại.

**B.** Sự ăn mòn kim loại là sự phá hủy kim loại bởi chất khí hay hơi nước ở nhiệt độ cao.

**C.** Sự ăn mòn kim loại là sự phá hủy kim loại do kim loại tiếp xúc với dung dịch axit.

**D.** Sự ăn mòn kim loại là một giai đoạn quá trình luyện kim.

**Câu 6.** Dãy các kim loại nào sau đây được sắp xếp đúng theo chiều hoạt động hóa học tăng dần?

**A.** K, Mg, Cu, Al, Zn, Fe **B.** Fe, Cu, K, Al, Zn

**C.** Cu, Fe, Zn, Al, Mg, K **D.** Zn, K, Mg, Cu, Al, Fe

**Câu 7.** Ở điều kiện thường, phi kim có thể tồn tại ở trạng thái

**A.** lỏng và khí. **B.** rắn và lỏng. **C.** rắn và khí. **D.** rắn, lỏng, khí.

**Câu 8.** Các dạng thù hình của cacbon là:

**A.** Kim cương, than chì, cacbon vô định hình.

**B.** Kim cương, than chì, than đá.

**C.** Than gỗ, than xương, than hoạt tính.

**D.** Kim cương, than gỗ, cacbon vô định hình.

**Câu 9.** Các ngành công nghiệp silicat hiện nay là

1. Sản xuất thủy tinh, đồ gốm, pin mặt trời. **C.** Sản xuất đồ gốm, xi măng, thủy tinh.
2. Sản xuất đồ gốm, xi măng, luyện kim. **D.** Sản xuất xi măng, betong, thép.

**Câu 10.** Chất nào sau đây là chất hữu cơ:

1. CH3ONa. **B.** H2CO3. **C.** NaHCO3. **D.** CaCO3.

**Câu 11.** Trong hợp chất hữu cơ nguyên tố cacbon có hóa trị:

1. I. **B.** II. **C.** III. **D.** IV.

**Câu 12.** Công thức nào sau đây là của axetilen:

1. CH2 = CH2 **B.** CH ≡ CH **C.** CH3 – CH3 **D.** CH4

**Câu 13.** Chất nào sau đây có tính axit:

1. CH3COOH. **B.** CH3OH. **C.** CH3CHO. **D.** C2H5OH

**Câu 14.** Trong tự nhiên, đường saccarozơ có nhiều trong:

**A.** Hoa quả chín. **B.** Mật ong.

**C.** Cây mía, củ cải đường, thốt nốt,... **D.** Lúa, ngô, khoai, sắn.

**Câu 15.** Trên nhãn của một số loại rượu có ghi thông tin 29o, thông tin này có ý nghĩa là:

**A.** Trong 100ml rượu đó có chứa 29ml rượu nguyên chất.

**B.** Trong 100ml rượu đó có chứa 29ml nước.

**C.** Trong 1000ml rượu đó có chứa 29ml rượu nguyên chất.

**D.** Trong 1000ml rượu đó có chứa 29ml nước.

**Câu 16.** Chất nào sau đây khi cho vào nước sẽ tạo thành dung dịch làm quì tím hóa đỏ:

**A.** CaO. **B.** P2O5. **C.** CO. **D.** Al2O3.

**Câu 17.** Cặp chất nào sau đây khi tác dụng với nhau sinh ra chất khí:

**A.** Cu và HCl. **B.** Fe2O3 và H2SO4. **C.** HCl và NaOH. **D.** Zn và HCl.

**Câu 18.** Cặp chất nào sau đây khi tiếp xúc với nhau ***không*** xảy ra phản ứng hóa học:

**A.** Fe và HCl. **B.** HCl và AgNO3.

**C.** BaCl2 và Na2SO4. **D.** NaNO3 và KCl.

**Câu 19.** Dung dịch ZnSO4 có lẫn tạp chất là CuSO4. Dùng kim loại nào sau đây để làm sạch dung dịch ZnSO4?

**A.** Fe **B.** Zn **C.** Cu **D.** Mg

**Câu 20.** Kim loại nào sau đây không phản ứng với dung dịch H2SO4 đặc nguội và HNO3 đặc nguội?

**A.** Fe, Cu. **B.** Al, Fe. **C.** Cu, Ag. **D.** Mg, Fe.

**Câu 21.** Có 4 kim loại X, Y, Z, T đứng sau Mg trong dãy hoạt động hóa học. Biết rằng:

* X và Y tác dụng với dung dịch HCl giải phóng khí Hidro
* Z và T không tác dụng với dung dịch HCl.
* Y tác dụng với dung dịch muối của X và giải phóng X.
* T tác dụng với dung dịch muối của Z và giải phóng Z.

Hãy xác định thứ tự sắp xếp nào sau đây là đúng (theo chiều hoạt động hóa học giảm dần)

**A.** Y, T, Z, X. **B.** T, X, Y, Z. **C.** Y, X, T, Z. **D.** X, Y, Z, T.

**Câu 22.** Nguyên tử của nguyên tố X ở chu kì 2 nhóm VII. Tính chất cơ bản của nguyên tố X là:

**A.** Là kim loại mạnh. **B.** Là kim loại yếu.

**C.** Là phi kim mạnh. **D.** Là phi kim yếu.

**Câu 23.** Hãy chỉ ra phương trình phản ứng viết sai.

**A.** Fe + Cl2  FeCl2. **B.** Fe + 2HCl  FeCl2 + H2.

**C.** Fe + S  FeS. **D.** Fe + CuSO4  FeSO4 + Cu.

**Câu 24.** Dẫn 2,24 lít khí CO2 ở đktc vào 100ml dung dịch NaOH 1M, muối thu được là:

**A.** Na2CO3. **B.** NaHCO3.

**C.** Na2CO3 và NaHCO3. **D.** Tất cả đều không đúng.

**Câu 25.** Cặp chất nào sau đây đều làm mất màu dung dịch brom.

**A.** CH4 và C6H6 **B.** C2H2 và C2H5OH

**C.** C2H2 và C2H4 **D.** C2H4 và C6H6

**Câu 26.** Phương pháp nào sau đây được dùng để loại bỏ khí axetilen lẫn trong khí metan:

**A.** Đốt cháy hỗn hợp trong không khí.

**B.** Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch brom dư.

**C.** Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch muối ăn.

**D.** Dẫn hỗn hợp khí đi qua nước.

**Câu 27.** Phản ứng nào sau đây là phản ứng trùng hợp:

**A.** ... + CH2=CH2 + CH2=CH2 + CH2=CH2 + ....  ... – CH2 – CH2 – CH2– CH2 –...

**B.** CH2 = CH2 + Br2 → CH2Br – CH2Br.

**C.** C6H6  + Br2  C6H5Br + HBr.

**D.** CH4 + Cl2  CH3Cl + HCl.

**Câu 28.** Để phân biệt tinh bột và xenlulozơ ta có thể dùng chất nào sau đây:

**A.** Dung dịch AgNO3 trong NH3.**B.** Dung dịch Iot.

**C.** Dung dịch axit H2SO4 loãng. **D.** Dung dịch Brom.

**Câu 29.** Sản phẩm thu được khi thủy phân saccarozơ là:

**A.** Glucozơ và glucozơ. **B.** Glucozơ và mantozơ.

**C.** Glucozơ và fructozơ. **D.** Saccarozơ không thủy phân.

**Câu 30.** Một phân tử tinh bột có khối lượng phân tử là 210 600 đvC. Số mắt xích có trong phân tử này là:

**A.** 1200. **B.** 1300. **C.** 1400. **D.** 1500.

**Câu 31.** Hòa tan 23,5 gam K2Ovào nước. Sau đó dùng 250ml dung dịch HCl để trung hòa dung dịch trên. Tính nồng độ mol HCl cần dùng.

**A.** 1,5M **B.** 3,0 M **C.** 2,5 M **D.** 2,0 M.

**Câu 32.** Cho hỗn hợp Al và Fe tác dụng với hỗn hợp dung dịch chứa AgNO3 và Cu(NO3)2 thu được dung dịch B và chất rắn D gồm 3 kim loại. Cho D tác dụng với dung dịch HCl dư, thấy có khí bay lên. Thành phần chất rắn D là:

**A.** Al, Fe, Cu. **B.** Fe, Cu, Ag. **C.** Al, Cu, Ag. **D.** Kết quả khác.

**Câu 33.** Cho 10,5 gam hỗn hợp hai kim loại Zn, Cu vào dung dịch H2SO4 loãng dư, thu được 2,24 lít khí (đktc). Phần trăm theo khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu là:

**A.** 61,9% và 38,1%. **B.** 50% và 50%. **C.** 40% và 60%. **D.** 30% và70%.

**Câu 34.** Cho 3 gam hỗn hợp A gồm hai khí metan và etilen ở đktc có tỉ lệ mol là n metan : n etilen = 2: 1. Thể tích của metan và etilen trong hỗn hợp lần lượt là:

**A.** 2,24 lít và 1,12 lít. **B.** 1,12 lít và 2,24 lít.

**C.** 1,68 lít và 1,68 lít. **D.** 2,00 lít và 1,00 lít.

**Câu 35.** Để trung hòa 10ml dung dịch CH3COOH cần 15,2 ml dung dịch NaOH 0,2M. Vậy nồng độ của dung dịch CH3COOH là:

**A.** 0,05 M. **B.** 0,10 M. **C.** 0,304 M. **D.** 0,215 M.

**Câu 36.** Khối lượng glucozơ thu được khi tiến hành thủy phân 3,42 tấn đường saccarozơ trong môi trường axit (hiệu suất phản ứng H = 75%) là:

**A.** 1,53 tấn. **B.** 1,65 tấn. **C.** 1,35 tấn. **D.** 1,56 tấn.

**Câu 37.** Hòa tan hoàn toàn 50g CaCO3 vào dung dịch axit clohiđric dư. Biết hiệu suất của phản ứng H = 85%. Thể tích của khí CO2 (đktc) thu được là:

1. 7,14 lít. **B.** 9,25 lít. **C.** 11,2 lít. **D.** 9,52 lít.

**Câu 38.** Cho V lít CO2 (đktc) tác dụng với 500ml dung dịch Ba(OH)2 1M. Giá trị của V là:

**A.** 4,48 lít. **B.** 13,44 lít. **C.** 17,92 lít. **D.** 4,48 và 17,92 lít.

**Câu 39.** Khối lượng C cần dùng để khử 8 gam CuO tạo thành CO2 là:

**A.** 0,6 gam. **B.** 1,2 gam. **C.** 2,4 gam. **D.** 3,6 gam.

**Câu 40.** Đốt cháy hoàn toàn 3,36 lít khí metan ở đktc. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy thu được đi qua bình đựng axit H2SO4 đặc, thấy khối lượng của bình tăng m1 gam. Chất khí còn lại được dẫn qua bình đựng nước vôi trong dư thu được m2 gam chất kết tủa. Các giá trị của m1 và m2 lần lượt là:

**A.** 5,40 g và 1,50 g. **B.** 3,60 g và 15,00 g.

**C.** 5,40 g và 15,00g. **D.** 3,60 g và 1,50 g.

***Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:***

***H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; Si = 28; S = 32; Cl = 35,5;***

***K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137***